TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Văn Thành

bà Phạm Ngọc Nhung

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 309/2016/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2016 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm: 1980, nghề nghiệp: công nhân; nơi đăng ký thường trú: tổ 8, ấp 8, xã T, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: tổ 7, ấp 8, xã T, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

2. Bị đơn: anh Hồ Ngọc T, sinh năm: 1969, nghề nghiệp: thợ xây; nơi đăng ký thường trú và cư trú: tổ 8, ấp 8, xã T, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A; địa chỉ: khu trung tâm hành chính, ấp S, xã L, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

(Tất cả các đương sự đều vắng mặt, trong đó nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bé T trình bày: trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, chị và anh T đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2001; đây là hôn nhân đầu tiên của cả hai người. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn, chị phải chăm sóc con nhỏ nên không đi làm được, trong khi

anh T không có công ăn việc làm ổn định, lại hay nhậu nhẹt, anh T nhiều lần xúc phạm chị và cha mẹ chị, còn hay đánh đập vợ con; do không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn; tuy nhiên, trong thời gian chờ Tòa án giải quyết vào tháng 8/2018, trong một lần cãi nhau, anh T đã đuổi chị ra khỏi nhà, chị đã dẫn theo các con ra ngoài ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn giữ liên lạc gì với nhau.

Vợ chồng có với nhau 04 con chung gồm các cháu Hồ Thị Trúc Đ, sinh ngày: 16/7/2001, Hồ Ngọc Thủy T, sinh ngày: 26/10/2004, Hồ Ngọc T, sinh ngày: 24/4/2010, Hồ Tuấn Đ, sinh ngày: 02/7/2012; hiện nay cả 04 con chung đều đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 03 con chung chưa trưởng thành là các cháu Thủy T, Ngọc T và Đ, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: thời điểm khởi kiện, vợ chồng có vay tiền của bà Đinh Thị H (là mẹ đẻ chị Bé T) và chị Nguyễn Thị Bé S (em gái chị Bé T) nhưng đến nay số nợ của hai người này đã trả hết. Đối với số nợ của Ngân hàng A, anh T đã có cam kết trả nợ cho Ngân hàng và được Ngân hàng chấp nhận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung khi ly hôn.

* Bị đơn (Hồ Ngọc Thắng) đượvc Tòa án triệu tập hợp lệ rất nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc nên không thu thập được ý kiến của anh Thắng đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bé Tư trong hồ sơ vụ án.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng chính A) trình bày: Ngân hàng A có cho anh Hồ Ngọc T và chị Nguyễn Thị Bé T vay tiền trong chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, dư nợ đến ngày 01/9/2017 là 12.000.000 đồng. Anh T đã có cam kết trả nợ cho Ngân hàng, do đó, Ngân hàng không khởi kiện trong vụ án này để yêu cầu trả tiền. Trường hợp anh T vi phạm nghĩa vụ theo cam kết thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác để bảo vệ quyền lợi cho mình.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử và áp dụng một số biểu mẫu trong hòa giải; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; bị đơn không chấp hành pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật HN&GĐ) và quy định tại các điều 85, 89, 91 và 92 của Luật HN&GĐ năm 2000 để giải quyết vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh T; giao các con chưa thành niên cho chị T nuôi dưỡng; tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ

chung không đặt ra xem xét do không có ai yêu cầu; về án phí: chị Bé T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự được công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Bé T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết giao quyền nuôi con chưa thành niên nên xác định nên xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị Bé T là nguyên đơn, anh T là bị đơn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ. Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án, vợ chồng còn nợ khoản tiền vay của Ngân hàng A - phòng giao dịch huyện CM, tỉnh Đồng Nai (sau đây viết tắt là Ngân hàng A) nên xác định Ngân hàng A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Nguyên đơn (chị Nguyễn Thị Bé T) có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt; bị đơn (anh Hồ Ngọc T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng A) được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bé T và anh Hồ Ngọc T tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 08/8/2001, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bé T nhận thấy: theo chị T, do sau khi sinh cháu thứ tư, bản thân chị không thể đi làm, phải ở nhà chăm con, còn anh T lúc đó công việc không ổn định, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xảy ra tranh cãi; bản thân anh T không thông cảm cho chị mà hay dằn vặt, chửi bới, đánh đập vợ con, không những vậy anh T còn có những lời lẽ xúc phạm gia đình chị; khi chị gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết cho ly hôn thì anh T không những không thay đổi để hàn gắn, mà còn có những hành động khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, thậm chí anh T còn đuổi chị và các con ra khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh T đến làm việc nhưng anh T cố tình vắng mặt và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến, nguyện vọng của mình; kết quả xác minh những người con chung đều thể hiện anh T thường xuyên uống rượu, chửi bới, đánh đập vợ con và cha mẹ đã không còn sống chung đến nay đã được 02 năm; theo xác nhận ngày 06/9/2017 của Công an xã T cũng đã thể hiện: anh T đã có hành vi đánh đập vợ con và đã được công an xã mời lên trụ sở để nhắc nhở, giáo dục vào năm 2015 nhưng anh T vẫn không thay đổi nên được công an xã mời làm việc tiếp vào năm 2016. Như vậy, từ những chứng cứ nêu trên cho thấy: mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã thật sự trầm

trọng, cuộc sống chung đã không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Bé T là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về con chung: theo chị T thì vợ chồng có 04 con chung, trong đó cháu đầu đã trưởng thành, còn lại 03 cháu chưa đủ 18 tuổi và từ khi vợ chồng ly thân cả 04 cháu sống cùng với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Hồ Ngọc Thủy T, Hồ Ngọc T, Hồ Tuấn Đ; xét thấy: hiện tại cả 03 cháu đều do chị T đang trực tiếp chăm sóc, các cháu đều có nguyện vọng tiếp tục sống cùng với mẹ; anh T không có văn bản yêu cầu gì. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cả 03 cháu Thủy T, Ngọc T và Đ cho chị Bé T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị T không yêu cầu nên tạm thời anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận. Riêng đối với đề nghị áp dụng pháp luật thì không chấp nhận, bởi lẽ: tuy hôn nhân giữa chị T và anh T xác lập vào thời điểm Luật HN&GĐ năm 2000 đang có hiệu lực nhưng thời điểm chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thời điểm Luật HN&GĐ 2014 đã có hiệu lực pháp luật nên việc Kiểm sát viên đề nghị áp dụng pháp luật HN&GĐ năm 2000 để giải quyết ly hôn, giao nuôi con là không phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật HN&GĐ; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn anh Hồ Ngọc T.

2. Về con chung: giao các cháu Hồ Ngọc Thủy T, sinh ngày: 26/10/2004, Hồ Ngọc T, sinh ngày: 24/4/2010, Hồ Tuấn Đ, sinh ngày: 02/7/2012 cho chị Nguyễn Thị Bé T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Bé T phải nộp 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số 003770 ngày 28/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký tên và đóng dấu)

Hà Thế Nam